

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST

Ngày 26/4/2019

*Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con của nam, nữ chung sống
với nhau như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, LAI CHÂU

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Xuân Xanh - Bà La Thị Thành

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà bà: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Than Uyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Việt Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 26/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Giàng Thị D (tên gọi khác Giàng Thị Gieo)** - Sinh năm: 1983

Nơi ĐKKHKT: Bản Xa Bó, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (có mặt)

2. *Bị đơn:* **Anh Tòng Văn T** - Sinh năm: 1981

Nơi ĐKKHKT: Bản Xa Bó, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Giàng Thị D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tòng Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2007. Nhưng chị và anh T không đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly

thân khoảng 02 năm. Nguyên nhân là trong cuộc sống bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu về mắng chửi vợ con, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được thôn bản hòa giải nhưng không có kết quả. Chị D khẳng định tình cảm không còn và không thể sống chung cùng anh T nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung, cháu Tòng Thành Tài sinh ngày 29/01/2008. Chị và anh nhất trí theo nguyện vọng của cháu là được ở với bố. Anh T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tài cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị và anh không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng của chị D: Có hai con, cháu tên là Tòng Văn Thành sinh ngày 07/01/2003 và cháu Tòng Thị Dành sinh ngày 21/01/2000. Chị có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Thành đến khi đủ 18 tuổi, đối với cháu Dành đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tòng Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Giàng Thị D tự nguyện đến với nhau, không ai bị ép buộc, vợ chồng được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương, mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng anh T thấy cuộc sống hôn nhân vẫn hạnh phúc. Đến năm 2017 anh đi làm ăn xa nhà thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, anh thấy vẫn còn tình cảm và yêu thương vợ và có nguyện vọng mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ gia đình và không đồng ý ly hôn. Nhưng sau hai lần hòa giải chị D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng thì anh cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu Tài và sự thỏa thuận của anh chị thì anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Tòng Thành Tài cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Như chị D trình bày là đúng, chị D có hai con riêng nên chị có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con riêng và đồng ý với quan điểm của chị, anh T không có trách nhiệm, nghĩa vụ gì về con riêng của chị.

Về tài sản và công nợ chung như chị D trình bày là đúng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Tòng Thành Tài nguyện vọng được ở cùng với bố và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên ghi nhận nguyện vọng của cháu được ở cùng với bố là anh Tòng Văn T.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị và được chính quyền địa phương xác nhận là chị D và anh T không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh

T hay uống rượu nên hai vợ chồng bất đồng với nhau, mặc dù tổ hòa giải thôn bản đã hòa giải nhưng không thành, anh T phải đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà, dẫn đến vợ chồng anh chị không hạnh phúc.

Tại phiên tòa, đương sự Giàng Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại các điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; và các Điều 28, 262, 266, 267 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 4 điều 3 thông tư số: 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân gia đình để tuyên bố mối quan hệ giữa chị Giàng Thị D và anh Tòng Văn T không phải là quan hệ vợ chồng, ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ghi nhận nguyện vọng của cháu Tài, chị D có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị Giàng Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T. Xác định đây là quan hệ pháp luật “ Ly hôn tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ vào khoản 7 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Việc xét xử vắng mặt: Hội đồng xét xử nhận định bị đơn anh Tòng Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Tòng Văn T là đúng quy định.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Giàng Thị D và anh Tòng Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2007, quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu nên hay mắng

chửi chửi, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, anh T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý với quan điểm của chị D là đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định: Chị Giàng Thị D và anh Tòng Văn T không đăng ký kết hôn theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình vì vậy theo khoản 1 Điều 14; Điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 3 thông tư số: 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân gia đình. Tuyên bố không công nhận chị Giàng Thị D và anh Tòng Văn T là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Tòng Thành Tài, anh chị đã thỏa thuận, anh T được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Tòng Thành Tài sinh ngày 29/01/2008 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung, anh chị không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị Giàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 7 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 266, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 điều 3 thông tư số: 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân gia đình.

- Khoản 4 điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị D và anh Tòng Văn T.

2. Về con chung: Anh Tòng Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Tòng Thành Tài sinh

ngày 29/01/2008 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Giàng Thị D cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Giàng Thị D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh T.

Anh Tòng Văn T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Giàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Giàng Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. *(Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0003573 ngày 21/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí).*

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Toà án tỉnh Lai Châu. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh.1
- VKS Tỉnh, huyện.2
- Các đương sự²
- Chi cục THA Dân sự¹
- UBND xã Phúc Than¹
- Lu HS,TA1

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

